

Số: 28 /KH- TNMT

Bắc Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2017

KẾ HOẠCH
ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI
CỦA CÁC HỒ CHỨA TRONG ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG
VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP BẢO VỆ CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỒ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 23/1/2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 12/3/2009 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 21/2009/TT-BTNMT ngày 05/11/2009 của Bộ tài nguyên và Môi trường Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch điều tra, khảo sát, đánh giá sức chịu tải của sông Lục Nam để xem xét đề xuất các biện pháp kiểm soát, cảnh báo những đoạn sông không có khả năng tiếp nhận nước thải.

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa trong đô thị, khu dân cư tập trung và đề xuất biện pháp bảo vệ chất lượng nước hồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.

Kết quả đánh giá theo “*Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2025*” cho thấy chất lượng môi trường tỉnh Bắc Giang có xu hướng diễn biến phức tạp. Trong đó ô nhiễm môi trường nước mặt, môi trường nông thôn, làng nghề được coi là vấn đề bức xúc nhất. Ô nhiễm môi trường nước mặt do nước thải đô thị, nước thải công nghiệp và nước thải làng nghề có xu hướng gia tăng.

Tình trạng ô nhiễm tại các hồ chứa cũng là vấn đề gây nhức nhối trong toàn tỉnh, tình trạng ô nhiễm rác thải, phế thải và bị lấn chiếm xảy ra tại các hồ lớn như hồ Suối Mỡ (xã Nghĩa Phương - huyện Lục Nam); hồ chứa nước Bờ Tân (xã Tiên Phong - huyện Yên Dũng); hồ Nhà Dầu ở khu phố Tân Ninh và hồ

Thùng Đầu ở phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang. Các hồ chứa đang phải tiếp nhận nhiều loại nguồn thải khác nhau, bao gồm cả các nguồn thải hiện trạng và các nguồn thải sẽ phát sinh theo quy hoạch các dự án, trong khi mục tiêu chất lượng vẫn phải đáp ứng cho nhiều mục đích (sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp...);

Với thực trạng đó, do chưa có đánh giá chính xác khả năng tiếp nhận nước thải của các nguồn nước nói chung và hồ chứa nước nói riêng nên việc cấp phép xả thải chưa đảm bảo đầy đủ cơ sở khoa học; công tác kiểm soát, quản lý xả thải vào các hồ chứa mới chỉ dừng lại trên tầm quản lý cục bộ, chưa mang được tính tổng thể, với tầm nhìn xa;

Xác định được khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm bảo vệ nguồn nước trong hồ, đảm bảo chất lượng nước phù hợp cho các đối tượng, mục tiêu sử dụng nước. Đây cũng là một trong các yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo xây dựng nền kinh tế xanh và phát triển bền vững cho tỉnh Bắc Giang;

Từ những phân tích nêu trên cho thấy việc *“Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa trong đô thị, khu dân cư tập trung và đề xuất biện pháp bảo vệ chất lượng nước hồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”* là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước tại các hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang làm cơ sở cho công tác quản lý tài nguyên nước.

- Đề xuất biện pháp bảo vệ chất lượng nước các hồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

III. PHẠM VI, NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA KẾ HOẠCH

1. Phạm vi thực hiện

Phạm vi thực hiện của dự án bao gồm diện tích tự nhiên của 21 xã (thị trấn, phường) thuộc 10 huyện (thành phố) của tỉnh Bắc Giang bao gồm: Huyện Lục Nam, Yên Dũng, Lục Ngạn, Lạng Giang, Sơn Động, Yên Thế, Hiệp Hòa, Tân Yên, Việt Yên và Thành phố Bắc Giang, với tổng diện tích là 348,77 km².

2. Nội dung thực hiện

1.2. Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước các hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung theo tỷ lệ 1: 50.000

- Thu thập, rà soát thông tin, số liệu, tài liệu và chuẩn bị triển khai công tác điều tra, đánh giá

- Điều tra thực địa:

- Tổng hợp, chỉnh lý, xử lý, tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu theo nội dung đánh giá

- Phân tích, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung;

- Phân tích, xác định phân vùng chức năng, mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước phục vụ khả năng tiếp nhận nước thải

2.2. Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước hồ, nước thải.

Bảng 1: Chỉ tiêu phân tích chất lượng nước mặt

STT	Chỉ Tiêu	Tiêu chuẩn áp dụng	Phương pháp xác định
1	pH	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	-
2	Tổng N	TCVN 6638:2000	PP vô cơ hóa xúc tác sau khi khử bằng hợp kim Devarda
3	Tổng P	TCVN 6638:2000	PP đo phổ dùng amoni molipdat
4	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008 (ISO 5815-1:2003)	PP pha loãng và cấy có bổ sung allylthiourea
5	COD	TCVN 6491:1999 (ISO 6060:1989)	-
6	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 5499:1995	PP Winkler
7	Kim loại nặng: (Pb; Cd)	TCVN 6193:1996	PP trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
8	Kim loại nặng: Hg As	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999) TCVN 6626:2000	- PP đo phổ hấp thụ nguyên tử
9	Kim loại nặng: Fe Cu Zn Mn	TCVN 6177:1996 TCVN 6193:1996 TCVN 6193:1996 TCVN 6002:1995	PP trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin PP trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa PP trắc quang dùng formaldoxim
10	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)	PP lọc qua cái lọc sợi thủy tinh
11	Nitơ amon (NH ₄ ⁺)	TCVN 5988:1995 (ISO 5664:1984)	PP chung cất và chuẩn độ
12	Nitrit (NO ₂ ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
13	Nitrat (NO ₃ ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
14	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
15	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
16	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
17	Dầu mỡ khoáng	TCVN 5070:1995	PP khối lượng xác định dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ
18	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1: 2000)	PP màng lọc

Bảng 2: Chỉ tiêu phân tích mẫu nước thải

STT	Chỉ Tiêu	Tiêu chuẩn áp dụng	Phương pháp xác định
1	pH	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	-
2	Tổng N	TCVN 6638:2000	PP vô cơ hóa xúc tác sau khi khử bằng hợp kim Devarda
3	Tổng P	TCVN 6638:2000	PP đo phổ dùng amoni molipdat
4	COD	TCVN 6491:1999 (ISO 6060:1989)	-
5	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 5499:1995	PP Winkler
6	Kim loại nặng: (Pb; Cd)	TCVN 6193:1996	PP trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
7	Kim loại nặng: Hg As	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999) TCVN 6626:2000	- PP đo phổ hấp thụ nguyên tử
8	Kim loại nặng: Fe Cu Zn Mn	TCVN 6177:1996 TCVN 6193:1996 TCVN 6193:1996 TCVN 6002:1995	PP trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin PP trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa PP trắc quang dùng formaldoxim
9	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)	PP lọc qua cái lọc sợi thủy tinh
10	Nitơ amon (NH ₄ ⁺)	TCVN 5988:1995 (ISO 5664:1984)	PP chung cất và chuẩn độ
11	Nitrit (NO ₂ ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
12	Nitrat (NO ₃ ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
13	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
14	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304 -1:2007)	PP sắc kí lỏng ion
16	Dầu mỡ khoáng	TCVN 5070:1995	PP khối lượng xác định dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ
17	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1: 2000)	PP màng lọc

2.3. Đánh giá sơ bộ khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước các hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung

- Chuẩn bị: Nhận nhiệm vụ đánh giá sơ bộ khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; Nghiên cứu xác định cụ thể nội dung, đối tượng, phạm vi, mức độ đánh giá; Thu thập bổ sung các dữ liệu, thông tin về tình hình xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Tổng hợp, xử lý tài liệu:

- Xác định các khu vực bảo vệ chất lượng nước trên bản đồ đã được quy định: Các khu vực bảo hộ vệ sinh; Khu vực bảo tồn; Các khu vực được quy định khác; Mục tiêu chất lượng nước trong khu vực.

- Xác định vị trí của nguồn xả nước thải trên bản đồ

- Đánh giá sơ bộ đặc điểm nguồn tiếp nhận:

- Phân tích, xác định nguồn nước còn có/không có khả năng tiếp nhận nước thải:

- Hoàn thiện, chỉnh lý tài liệu: Vị trí điểm xả nước thải vào nguồn nước; Các khu vực bảo vệ chất lượng nước; Các số liệu đánh giá sơ bộ về nguồn xả nước thải, chất lượng nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng báo cáo và các biểu, bảng đánh giá: Thuyết minh đánh giá sơ bộ khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; Các sơ đồ, biểu bảng (Sơ đồ vị trí khu vực bảo hộ vệ sinh, bảo vệ chất lượng nước; Sơ đồ vị trí nguồn xả nước thải; các vị trí xả nước thải dự kiến; Biểu, bảng số liệu phục vụ đánh giá và kết quả tính toán).

2.4. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước bằng phương pháp bảo toàn khối lượng.

- Chuẩn bị

- Tổng hợp, xử lý tài liệu.

- Lập danh mục các nguồn xả nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải.

- Xác định vị trí tọa độ điểm xả nước thải trên bản đồ.

- Xác định các chất ô nhiễm đặc trưng có trong nguồn nước thải.

- Đánh giá diễn biến lưu lượng nguồn tiếp nhận.

- Đánh giá diễn biến chất lượng nguồn tiếp nhận.

- Tính toán tải lượng của chỉ tiêu ô nhiễm cần đánh giá trong nguồn tiếp nhận.

- Tính toán tải lượng tối đa của chất ô nhiễm:

- Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải:

2.5. Đánh giá thực trạng và các yêu cầu về bảo vệ nguồn nước hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung

2.6. Đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung

2.7. Chuẩn bị nội dung thông tin, dữ liệu và biên tập các bản đồ

IV. SẢN PHẨM CỦA KẾ HOẠCH

Sản phẩm của Kế hoạch gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp và tóm tắt kết quả “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa trong đô thị, khu dân cư tập trung và đề xuất biện pháp bảo vệ chất lượng nước hồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

- Các Báo cáo chuyên đề, bao gồm:

+ Báo cáo chuyên đề đánh giá biến động số lượng, tổng lượng nước thải của các đối tượng/nguồn xả nước thải;

+ Báo cáo chuyên đề đánh giá hiện trạng xử lý nước thải;

+ Báo cáo chuyên đề đánh giá tác động của hiện trạng xả nước thải đến chất lượng nước ở các hồ chứa và các mục đích sử dụng nước khác;

+ Báo cáo chuyên đề về giải pháp giảm thiểu tác động do hoạt động xả nước thải đến nước ở các hồ chứa thuộc vùng điều tra.

+ Báo cáo chuyên đề về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các hồ chứa nước.

+ Đánh giá năng lực quản lý, bảo vệ tài nguyên nước (tập trung đánh giá thể chế, nhân lực, thiết bị);

- Các bản đồ: Bản đồ hiện trạng các công trình xả nước vào các hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung; Bản đồ phân vùng khả năng tiếp nhận nước thải hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung.

- Các mẫu phân tích (54 mẫu: phiếu phân tích, biên bản lấy mẫu).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Tổng dự toán thực hiện: **1.507.065.000 đồng** (một tỷ, năm trăm linh bảy triệu, không trăm sáu lăm nghìn đồng). bao gồm cả VAT.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên năm 2017, 2018.

3. Thời gian thực hiện: năm 2017, 2018.

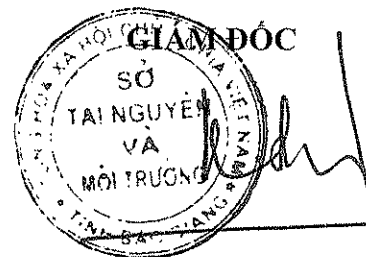
Trên đây là Kế hoạch Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Lục Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, TNN, KHTC (4 bản).

Bản điện tử

- LĐS; VPS; TNN.



Lê Hồng Sơn

